

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2026/DS-ST

Ngày: 25-5-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Toan

2. Ông Lê Quốc Nguu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**; địa chỉ: **2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân H** - Chuyên viên **phòng G** - **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 chi nhánh G1**; địa chỉ: **G H, xã C, tỉnh Gia Lai**. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trung S**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **Hẻm D P, tổ F, phường T, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Xuân H** trình bày:

Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2753506 ngày 31/5/2023 **Ngân hàng TMCP S1** (gọi là **S2**) cấp cho ông **Nguyễn Trung S** thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; lãi suất 2,7 %/năm, lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn. Trong quá trình sử dụng thẻ ông **S** phải trả các loại phí theo quy định tại Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng **S2** trong từng thời kỳ như phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày (Min 50.000 đồng), phí thường niên (mỗi năm thu 1 lần: 299.000 đồng), phí chậm thanh toán (6% số tiền chậm thanh toán: Min 100.000 đồng) và nếu ông **S** không thanh

toán hết dư nợ theo thông báo giao dịch mà S2 đã gửi Thông báo hàng tháng thì ông S phải trả lãi cho số tiền đã sử dụng (bao gồm cả phí và số tiền giao dịch 58.585.618 đồng và các loại phí khác được quy định cụ thể tại Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1 (S2) và Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S2 trong từng thời kỳ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng từ ngày 05/6/2023 đến ngày 05/7/2024 ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 133.637.905 đồng (trong số tiền giao dịch là 58.585.618 đồng, phí trễ hạn là 2.860.924 đồng, lãi 71.375.487 đồng, phí vượt hạn mức là 666.376 đồng, phí 144.500 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.815.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 107.822.905 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 05/8/2024 S2 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền là 56.451.529 đồng.

Vì vậy, S2 khởi kiện yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung S phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại tính đến ngày 25/5/2026 là 107.822.905 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc 56.451.529 đồng, lãi trong hạn 17.123.792 đồng, lãi quá hạn 34.247.584 đồng và trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

2. Bị đơn ông Nguyễn Trung S mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trung S; địa chỉ: Hẻm D P, tổ F, phường T, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự. “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Trung S đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S1 xét thấy có đủ cơ sở xác định ngày 31/5/2023 giữa Ngân hàng TMCP S1 và ông Nguyễn Trung S có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2753506; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1. Theo đó, Ngân hàng TMCP S1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Trung S vay số tiền hạn mức 50.000.000 đồng, lãi suất: 2,7 %/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn; nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S1 và ông Nguyễn Trung S phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ

chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Phía nguyên đơn xác định, từ khi kích hoạt thẻ ông **Nguyễn Trung S** đã trả được cho **Ngân hàng TMCP S1** tổng số tiền 2.815.000 đồng; Ngày 05/8/2024 ông **Nguyễn Trung S** vi phạm việc trả nợ, đến nay ông **S** còn 107.822.905 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, một trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc 56.451.529 đồng, lãi trong hạn 17.123.792 đồng, lãi quá hạn 34.247.584 đồng. Ông **Nguyễn Trung S** vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S1** đối với ông **Nguyễn Trung S** có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng S1**.

Buộc ông **Nguyễn Trung S** phải trả cho **Ngân hàng S1** số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 25/5/2026 là 107.822.905 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc 56.451.529 đồng, lãi trong hạn 17.123.792 đồng, lãi quá hạn 34.247.584 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông **Nguyễn Trung S** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 2753506 ngày 31/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí và quyền thi hành án:

Buộc ông **Nguyễn Trung S** phải chịu 5.391.145 đồng (Năm triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.057.334 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003416 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Loan Phương